

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 96 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 01 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH
Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
thành phố Cần Thơ năm 2025

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Công văn số 17/CV-BCĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ về việc bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thành ủy thành phố Cần Thơ về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Chương trình số 07/CTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thành ủy thành phố Cần Thơ và thực hiện khâu đột phá phát triển nguồn nhân lực theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là CBCCVC) thành phố Cần Thơ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; gắn đào tạo, bồi dưỡng với vị trí việc làm và nhu cầu quy hoạch sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố;

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã (mới) sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, trong đó chú trọng các nội dung quản lý hành chính hiện đại, kiến thức, kỹ năng số đáp ứng yêu cầu về vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Yêu cầu

- Việc đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định về giáo dục và đào tạo, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu nâng cao chất lượng phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị; bồi dưỡng theo vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý CBCCVC; đảm bảo tính công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả;

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC với các quốc gia có mối quan hệ hợp tác song phương; các chương trình, dự án Bộ, ngành Trung ương, của địa phương thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho thành phố;

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC cấp xã (mới), nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động.

II. NỘI DUNG

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

a) Đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

- Đào tạo chuyên môn sau đại học: CBCCVC được cử đi đào tạo phải thuộc diện quy hoạch đào tạo theo kế hoạch, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các cơ quan đơn vị; chuyên ngành đào tạo phù hợp vị trí việc làm, gắn với định hướng phát triển nguồn nhân lực của địa phương và thành phố. Ưu tiên tập trung đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực: khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin, kinh tế số, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, xây dựng, kiến trúc, giao thông đô thị, thương mại, văn hóa, nghệ thuật, tài nguyên và môi trường, chuyển đổi số...;

- Bồi dưỡng CBCCVC, đặc biệt là cán bộ, công chức cấp xã để đáp ứng đủ tiêu chuẩn và nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý hành chính hiện đại, kỹ năng số và quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

b) Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:

- Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài thực hiện theo chương trình, Đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích CBCCVC đào tạo sau đại học theo các chương trình, học bổng toàn phần của các cơ sở đào tạo nước ngoài, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, định hướng phát triển của cơ quan, đơn vị để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao;

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm quản lý nguồn nhân lực; hoạch định chính sách; tổ chức điều hành nền hành chính và hội nhập quốc tế;

các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số.

2. Giải pháp thực hiện

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch cán bộ, gắn với việc quy hoạch kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên cơ sở đảm bảo đúng nguyên tắc, mục tiêu, kế hoạch và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của thành phố, gắn với vị trí việc làm. Ưu tiên đào tạo sau đại học đối với đội ngũ viên chức các cơ sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở y tế có yêu cầu trình độ chuyên môn cao;

- Đào tạo, bồi dưỡng phải bám sát yêu cầu thực tế của địa phương, không cử CBCCVC đào tạo không có trong kế hoạch, quy hoạch đào tạo (kể cả trường hợp tự túc về kinh phí);

- Lồng ghép triển khai thực hiện các chương trình, chuyên đề bình đẳng giới cho CBCCVC;

- Đa dạng, linh hoạt các hình thức đào tạo, bồi dưỡng (tập trung, bán tập trung, từ xa, trực tuyến,...);

- Thực hiện kịp thời chế độ, chính sách đối với CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong và ngoài nước) theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc thực hiện không đúng quy định về đào tạo, bồi dưỡng;

- Tăng cường công tác kiểm tra về đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, học tập; phát hiện, điều chỉnh kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quản lý và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Tổ chức triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2025; đồng thời hướng dẫn cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định hiện hành;

b) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu và chuyên ngành đào tạo theo kế hoạch được phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng cho CBCCVC theo thẩm quyền;

c) Chủ trì và phối hợp với cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo tổ chức các khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, kỹ năng theo vị trí việc làm, chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định;

d) Thực hiện công tác kiểm tra và báo cáo tình hình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; tham mưu giải quyết kịp thời các vướng mắc liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn việc thực hiện kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và bố trí kinh phí theo đúng quy định hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, cân đối nguồn kinh phí và cấp trực tiếp về cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch.

3. Sở Y tế

Chủ trì, quản lý, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, quản lý quy hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ đối với đội ngũ viên chức, nhà giáo, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền theo quy định.

5. Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

a) Triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2025 và quan tâm tạo điều kiện cho CBCCVC nữ, CBCCVC dân tộc thiểu số, CBCCVC thuộc diện quy hoạch tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện chế độ thông tin báo cáo về cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và phối hợp tham mưu thẩm định nội dung chương trình bồi dưỡng theo quy định (nếu có);

c) Trên cơ sở nội dung các lớp bồi dưỡng đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và Sở Tài chính triển khai tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ theo đúng tiến độ, kế hoạch được phê duyệt; nếu có phát sinh, vướng mắc kịp thời thông tin, báo cáo về Sở Nội vụ để phối hợp tham mưu điều tiết kinh phí cho cơ quan, đơn vị khác có nhu cầu mở lớp theo quy định;

d) Quyết định cử CBCCVC tham gia dự tuyển và đi học sau đại học đúng đối tượng; chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện; phối hợp với Sở Nội vụ thống nhất về chuyên ngành đào tạo trước khi cử CBCCVC tham dự tuyển sinh đào tạo sau đại học (kể cả tự túc về kinh phí) đối với các chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch đào tạo;

đ) Phối hợp thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định, hướng dẫn hiện hành có liên quan.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tạo điều kiện thuận lợi và cử CBCCVC đi bồi dưỡng đối với các lớp do các sở, ngành thành phố mở (ban hành kèm theo Phụ lục II kế hoạch này);

Tạo điều kiện để CBCCVC người dân tộc thiểu số, CBCCVC nữ được

nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với CBCCVC được cử đào tạo, bồi dưỡng.

b) Quyết định cử CBCCVC tham gia dự tuyển và đi học sau đại học (kể cả tự túc về kinh phí) đối với các chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch đào tạo. Định kỳ cuối năm báo cáo Sở Nội vụ tổng hợp;

c) Thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh trực tiếp về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

(Đính kèm Phụ lục I, Phụ lục II về chỉ tiêu đào tạo và các lớp bồi dưỡng)

Kế hoạch này thay thế các Quyết định, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ), tỉnh Hậu Giang (cũ), gồm:

- Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025;

- Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng năm 2025;

- Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt danh sách quy hoạch đào tạo sau đại học, khuyến khích tự đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hậu Giang năm 2025 và danh mục ngành thu hút tỉnh Hậu Giang năm 2025;

- Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2025. *nh*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT. Thành ủy, TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND TP;
- UBND xã, phường;
- VP UBND TP (2AE, 3E, 4);
- Lưu: VT, TT. *nh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



★ Nguyễn Văn Khôi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**



PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 96 /KH-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí ngân sách/ Kinh phí đơn vị sự nghiệp					Kinh phí tự túc						
			Tổng số	Trong nước				Tổng số	Trong nước				Nước ngoài	
				Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I		Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I	Tiến sĩ	Thạc sĩ
I	Sở, ban, ngành thành phố	4	3	1	1	1	0	1	0	0	1	0	0	0
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	1	1				0						
2	Sở Y tế	1	1			1		0						
3	Thanh tra thành phố	1	1		1			0						
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1						1			1			
II	Đơn vị sự nghiệp cấp thành phố	22	17	9	0	8	0	5	1	0	2	0	1	1
1	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	11	10	9		1		1						1

STT	 Đơn vị	Tổng số	Kinh phí ngân sách/ Kinh phí đơn vị sự nghiệp					Kinh phí tự túc						
			Tổng số	Trong nước				Tổng số	Trong nước				Nước ngoài	
				Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I		Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I	Tiến sĩ	Thạc sĩ
2	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	2	2			2		0						
3	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	4	2			2		2			2			
4	Trường BTVH Pali Trung cấp Nam Bộ	1	1			1		0						
5	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	4	2			2		2	1				1	
III	Đơn vị sự nghiệp thuộc sở, tổ chức hành chính	204	198	7	25	77	89	6	0	0	1	4	1	0
1	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	1	1	1				0						
2	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế	143	138	6	25	18	89	5				4	1	
3	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	57	57			57		0						
4	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	2			2		1			1			

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí ngân sách/ Kinh phí đơn vị sự nghiệp					Kinh phí tự túc						
			Tổng số	Trong nước				Tổng số	Trong nước				Nước ngoài	
				Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I		Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I	Tiến sĩ	Thạc sĩ
IV	Ủy ban nhân dân cấp xã, phường	21	21	0	0	21	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều	1	1			1		0						
2	Ủy ban nhân dân phường An Bình	3	3			3		0						
3	Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Châu	3	3			3		0						
4	Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa	1	1			1		0						
5	Ủy ban nhân dân xã Tài Văn	3	3			3		0						
6	Ủy ban nhân dân xã Đại Ngãi	2	2			2		0						
7	Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú	1	1			1		0						
8	Ủy ban nhân dân xã An Thạnh	2	2			2		0						
9	Ủy ban nhân dân xã Lương Tâm	3	3			3		0						
10	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hưng	1	1			1		0						
11	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi	1	1			1								

STT	 Đơn vị	Tổng số	Kinh phí ngân sách/ Kinh phí đơn vị sự nghiệp					Kinh phí tự túc						
			Tổng số	Trong nước				Tổng số	Trong nước				Nước ngoài	
				Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I		Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I	Tiến sĩ	Thạc sĩ
V	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường	31	31	0	0	31	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều	9	9	0		9		0						
2	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường Thới Long	3	3			3	0	0						
3	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường Long Mỹ	3	3			3		0						
4	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường Ngã Bảy	1	1			1		0						
5	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi	3	3			3		0						
6	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước	1	1			1		0						
7	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tú	1	1			1		0						
8	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Thới An Hội	1	1			1		0						

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí ngân sách/ Kinh phí đơn vị sự nghiệp					Kinh phí tự túc						
			Tổng số	Trong nước				Tổng số	Trong nước				Nước ngoài	
				Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I		Tiến sĩ	Chuyên khoa cấp II	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I	Tiến sĩ	Thạc sĩ
9	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú	3	3			3		0						
10	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Trần Đề	1	1			1		0						
11	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Nhu Gia	2	2			2		0						
12	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Phong Điền	1	1			1		0						
13	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hưng	1	1			1		0						
14	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm	1	1			1		0						
Tổng I+II+III+IV+V		282	270	17	26	138	89	12	1	0	4	4	2	1



PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 96 /KH-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên lớp	Số lớp	Số lượng học viên			Đối tượng	Thời gian bồi dưỡng/lớp	Dự kiến thời gian tổ chức	Cơ quan, đơn vị tổ chức, đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí dự kiến năm 2025 (triệu đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Chia ra						Nguồn ngân sách thành phố	Nguồn khác	
				Thành phố	Cấp xã							
1	Bồi dưỡng kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	3	206		206	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã	03 ngày	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	283.250.000		
2	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số	3	270	64	206	Cán bộ, công chức, viên chức	03 ngày	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	299.000.000		
3	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác nội vụ (tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức)	3	270	64	206	Cán bộ, công chức, viên chức	03 ngày	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	299.000.000		
4	Bồi dưỡng kỹ năng quản trị sự thay đổi	3	270	64	206	Cán bộ, công chức, viên chức	03 ngày	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	299.000.000		
5	Tập huấn nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3	206		206	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã	03 ngày	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	283.250.000		
6	Kỹ năng giao tiếp hành chính và Văn hóa công sở	3	270	64	206	Cán bộ, công chức, viên chức	03 ngày	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	299.000.000		
7	Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý	3	270	64	206	Lãnh đạo, quản lý các cấp	03 ngày	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	299.000.000		
8	Lớp bồi dưỡng công tác dân vận chính quyền và thực hiện dân chủ ở cơ sở	3	300	94	206	Lãnh đạo và Công chức phụ trách công tác Dân vận chính quyền, thực hiện dân chủ tại các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn thành phố; các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố; UBND cấp xã.	03 ngày/lớp	Trong quý IV	Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	225.000.000		

STT	Tên lớp	Số lớp	Số lượng học viên			Đối tượng	Thời gian bồi dưỡng/lớp	Dự kiến thời gian tổ chức	Cơ quan, đơn vị tổ chức, đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí dự kiến năm 2025 (triệu đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Chia ra						Nguồn ngân sách thành phố	Nguồn khác	
				Thành phố	Cấp xã							
9	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng	3	600	291	309	Công chức, viên chức phụ trách công tác thi đua, khen thưởng cấp thành phố, cấp xã, phường	01 ngày/lớp	Trong quý IV	Ban Thi đua, khen thưởng Sở Nội vụ phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	149.400.000		
10	Tối ưu hoá công việc với trí tuệ nhân tạo (Ứng dụng AI trong công việc hàng ngày, cải thiện hiệu quả công việc và phục vụ công tác quản lý công)	3	148	77	71	Lãnh đạo, Công chức, viên chức	01 ngày/lớp	Trong quý IV	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang	119.920.000		Tổ chức 03 nơi
11	Bồi dưỡng kiến thức chung về quản lý xây dựng trên địa bàn phường, xã	3	300	30	270	- Lãnh đạo, công chức các đơn vị thuộc Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Lãnh đạo, công chức cấp xã.	03 ngày/lớp	Trong quý IV	Sở Xây dựng phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	465.000.000		Bồi dưỡng trực tiếp theo khu vực
12	Bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1	100	40	60	- Đại diện lãnh đạo và công chức tham mưu công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố, các Ban HĐND thành phố; lãnh đạo và công chức pháp chế các sở, ban, ngành; Cán bộ pháp chế thuộc các doanh nghiệp nhà nước do Thành phố quản lý; - Đại diện lãnh đạo HĐND, UBND cấp xã; Công chức tham mưu công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của các Ban HĐND cấp xã; lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND và công chức phụ trách công tác tư pháp cấp xã.	01 ngày	Trong quý IV	Sở Tư pháp	30.870.160		Bồi dưỡng trực tiếp kết hợp trực tuyến
13	Lớp bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, PBGDPL và Giải pháp đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức PBGDPL	1	180	77	103	Thành viên hội đồng; báo cáo viên pháp luật thành phố; lãnh đạo sở ngành và trực tuyến 103 xã	01 ngày	Trong quý IV	Sở Tư pháp	32.600.000		

STT	Tên lớp	Số lớp	Số lượng học viên			Đối tượng	Thời gian bồi dưỡng/lớp	Dự kiến thời gian tổ chức	Cơ quan, đơn vị tổ chức, đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí dự kiến năm 2025 (triệu đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Chia ra						Nguồn ngân sách thành phố	Nguồn khác	
				Thành phố	Cấp xã							
14	Tập huấn nâng cao nghiệp vụ trợ giúp pháp lý	1	300	300		- Cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan an ninh điều tra; Viện kiểm sát nhân dân các khu vực; Tòa án nhân dân các khu vực) và cán bộ Trại tạm giam; Phân trại tạm giam. Trưởng Công an, Điều tra viên, cán bộ điều tra cấp xã; - Các cơ quan Tư pháp Quận khu 9 tại TP. Cần Thơ; - Các cơ quan, đơn vị ký kết Quy chế phối hợp về TGPL với Trung tâm; - Trợ giúp viên pháp lý, Chuyên viên pháp lý; Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; - Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường; - Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.	01 ngày	Trong quý IV	Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp Đơn vị tổ chức: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước TP. Cần Thơ	37.000.000		Bồi dưỡng theo địa bàn được phân công phụ trách
15	Bồi dưỡng kỹ năng tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	357	48	309	Công chức cấp xã và các sở, ban, ngành	03 ngày	Trong quý IV	Thanh tra thành phố phối hợp với Trường Cán bộ Thanh tra	357.000.000		Hình thức bồi dưỡng trực tiếp
16	Bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại	1	250	44	206	Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu về công tác đối ngoại tại sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường của thành phố Cần Thơ	03 ngày	Trong quý IV	Sở Ngoại vụ phối hợp Bộ Ngoại giao	290.800.000		
17	Tập huấn công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở năm 2025	1	206		206	Công chức cấp xã	02 ngày	Trong quý IV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	42.600.000		Bồi dưỡng trực tiếp
18	Lớp đào tạo Tiếng Khmer trình độ Căn bản	2	100	30	70	Cán bộ, công chức, viên chức	04 tháng	Trong quý IV	Trường BTVH Pali Trung cấp Nam Bộ	479.228.200		Bồi dưỡng trực tiếp tại trường và Online
19	Lớp đào tạo Tiếng Khmer trình độ Nâng cao	1	60	30	30	Cán bộ, công chức, viên chức	06 tháng	Trong quý IV	Trường BTVH Pali Trung cấp Nam Bộ	290.701.840		Bồi dưỡng trực tiếp tại trường



STT	Tên lớp	Số lớp	Số lượng học viên			Đối tượng	Thời gian bồi dưỡng/lớp	Dự kiến thời gian tổ chức	Cơ quan, đơn vị tổ chức, đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí dự kiến năm 2025 (triệu đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Chia ra						Nguồn ngân sách thành phố	Nguồn khác	
				Thành phố	Cấp xã							
20	Lớp đào tạo Tiếng Khmer trình độ Biên Phiên Dịch	1	40	20	20	Cán bộ, công chức, viên chức	04 tháng	Trong quý IV	Trường BTVH Pali Trung cấp Nam Bộ	160.058.800		Bồi dưỡng trực tiếp tại trường
	Tổng	43	4.703	1.401	3.302	-	-	-	-	4.741.679.000		